TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:84/2018/HS-ST
Ngày 17-10-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Đào Duy Thiều;

2.Ông Trần Quang Đương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đình Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 78/2018/TLST-HS ngày 14 tháng 9 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2018/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 10 năm 2018 đối với:

Bị cáo Nguyễn Văn N (C) sinh ngày 09/9/1985; nơi sinh: Xã M , huyện Q, tỉnh B; nơi đăng ký thường trú và nơi ở: Thôn X, xã M , huyện Q, tỉnh B; nghề nghiệp: Lao động tự do; học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn T sinh năm 1958 và bà: Phạm Thị L sinh năm 1961; vợ: Phạm Thị Th (đã ly hôn); con: Chưa có; tiền án: Có 02 tiền án: Bản án số 505/2011/HSST ngày 29/11/2011 của TAND quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội xử phạt 26 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 194 của BLHS năm 1999, chấp hành xong án hính phạt tù ngày 01/8/2013. Bản án số 23/2015/HSST ngày 12/3/2015 của TAND huyện Quỳnh Phụ xử phạt 02 năm 06 tháng tù tề tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại Khoản 1 Điều 194 BLHS (được coi là tái phạm), ngày 24/01/2017 chấp hành xong bản án; tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày

23/6/2018 đến ngày 26/6/2018 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Q, tỉnh B (*trích xuất có mặt tại phiên tòa*).

Người chứng kiến:

- Ông Đoàn Văn Tr1sinh năm 1963; Địa chỉ: Tổ 9, thị trấn A, huyện Q, tỉnh B;

- Ông Nguyễn Kông Tr2 sinh năm 1958; Địa chỉ: Tổ 4, thị trấn A, huyện Q, tỉnh B.

(Đều vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 09 giờ ngày 23/6/2018, tổ công tác của Công an huyện Quỳnh Phụ phát hiện Nguyễn Văn N (C) có biểu hiện nghi vấn liên quan đến tội phạm về ma túy, tổ công tác đã yêu cầu N về trụ sở Công an thị trấn A để làm rõ, tiến hành kiểm tra, thu giữ tại túi quần bên phải phía trước N mặc 02 gói nhỏ đều có đặc điểm chung là được gói bằng lớp ni lông màu xanh, tiếp theo là giấy trắng có dòng kẻ, bên trong chứa chất bột màu trắng dạng cục. N khai nhận đây là 02 gói ma túy vừa mua được để sử dụng cho bản thân nhưng chưa kịp sử dụng thì bị phát hiện, bắt giữ. Cơ quan Công an huyện Quỳnh Phụ đã tiến hành lập biên bản niêm phong vật chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang theo quy định của pháp luật.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của N không thu giữ tài sản, đồ vật gì liên quan đến hành vi phạm tội.

Tại bản kết luận giám định 268/KLGĐ-PC54 ngày 23/6/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận:

"*Mẫu gửi giám định là ma túy, loại Heroin (Hêrôin), có khối lượng 0,3288 gam (Không phẩy ba nghìn hai trăm tám mươi tám gam).*

Hêrôin STT: 09, Danh mục I, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ".

Trong quá trình Điều tra, Truy tố và tại phiên tòa bị cáo đều khai nhận: Do nghiện ma túy nên khoảng 08 giờ 30 phút ngày 23/6/2018 N đi bộ từ nhà ra đường liên xã đi nhờ xe của một người không quen biết đến thị trấn A mục đích mua ma túy để sử dụng. Khi đến khu vực cổng bệnh viện Đa khoa D, thị trấn A, N xuống xe đi bộ gặp và hỏi mua của một người không quen biết 02 gói ma túy với giá 200.000 đồng. Mua xong N giấu 02 gói ma túy vào túi quần bên phải phía trước đang mặc rồi đi bộ về phía tố 13 thị trấn Atìm chỗ vắng sử dụng thì bị Tổ công tác Công an huyện Quỳnh Phụ phát hiện, bắt quả tang.

Bản cáo trạng số 85/CT-VKSQP ngày 14/9/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh B truy tố Nguyễn Văn N (C) về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" theo điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với Nguyễn Văn N (C) về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*". Đề nghị Hội đồng xét xử: Về tội danh tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N (C) phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*"; Về hình phạt: áp dụng điểm o, khoản 2 Điều 249, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38, Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 05 (Năm) năm đến 05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; Về xử lý vật chứng: Áp dụng điều 47 Bộ lật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: tịch thu để tiêu hủy toàn bộ vật chứng là heroin thu được của bị cáo trong phong bì niêm phong hoàn mẫu vật sau giám định; Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng, nhận thức hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, rất ân hận về hành vi mà mình đã thực hiện và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thừa nhận do nghiện ma túy nên bị cáo đã đi mua ma túy về sử dụng cho bản thân nhưng chưa kịp sử dụng thì bị bắt giữ. Bị cáo đã đủ tuổi và có năng lực chịu trách Nệm hình sự, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, đúng như nội dung bản cáo trạng đã mô tả và được chứng minh bằng biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản niêm phong vật chứng do Công an

huyện Quỳnh Phụ lập ngày 23/6/2018, lời khai của người chứng kiến, bản kết luận giám định cùng toàn bộ các tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Do đó có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 09 giờ 00 ngày 23/6/2018, tại đường tổ 13, thị trấn Ahuyện Q, tỉnh B, Nguyễn Văn N (C) đã có hành vi cất giấu tại túi quần bên phải phía trước đang mặc 02 gói ma túy, loại heroin, có khối lượng 0,3288 gam (*Không phẩy ba nghìn hai trăm tám mươi tám gam*) nhằm mục đích sử dụng cho bản thân, đã bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ phát hiện bắt quả tang. Do bị cáo có 02 tiền án, cả 02 lần bị cáo đều chưa được xóa án tích, lần phạm tội thứ hai bị cáo là tái phạm cho nên lần phạm tội này của bị cáo là tái phạm nguy hiểm. Vì vậy hành vi của bị cáo thực hiện đã phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Việc Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ truy tố và kết luận bị cáo phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" theo điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy: Tệ nạn ma túy đang là mối quan tâm, nhức nhối của toàn xã hội, ma túy làm ảnh hưởng đến kinh tế, sức khỏe, làm suy thoái giống nòi và là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác, bị cáo hiểu rõ tác hại của ma túy nhưng vì nghiện ma túy nên bị cáo đã phạm tội. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã được cải tạo giáo dục nhều lần đều về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", bị cáo không lấy đó làm bài học mà lại tiếp tục phạm tội, điều đó thể hiện ý thức coi thường pháp luật của bị cáo vì vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật với mức án tương xứng hành vi bị cáo đã gây ra, việc cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để chấp hành hình phạt là cần thiết để cải tạo, giáo dục bị cáo riêng và có tác dụng trong đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung, như mức án đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành thật khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ "*thành khẩn khai báo*" theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51.

[5] Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhệm hình sự nào. Mặc dù bị cáo có 02 tiền án nhưng đã áp dụng tình tiết tái phạm nguy hiểm là tình tiết định khung nên bị cáo không bị áp dụng là tình tiết tăng nặng trách nhệm hình sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự quy định: "*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*", như vậy bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo lao động tự do, không có thu nhập ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Do không có căn cứ xác định người đã bán ma túy cho bị cáo nên cơ quan điều tra không có cơ sở để điều tra xử lý.

[8] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo 02 gói chứa chất bột màu trắng dạng cục, kết quả giám định kết luận là ma túy loại heroin và hoàn trả mẫu vật sau giám định, cần tịch thu để tiêu hủy là phù hợp quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N (C) phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*".

2.Về hình phạt: Áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249, Điều 50, điểm s Khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N (C) 05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 23/6/2018.

3.Về xử lý vật chứng: Áp dụng: Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên tịch thu tiêu hủy 0,2905 gam (*Không phẩy hai nghìn chín trăm linh năm gam*) mẫu gửi giám định được niêm phong trong phong bì hoàn mẫu vật sau giám định ghi số 268/KLGĐ của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình theo biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh B ngày 14/9/2018.

4.Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn Văn N (C) phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5.Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận
- Bị cáo;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Công an &Chi cục THADS h. Quỳnh Phụ;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Sở Tư pháp Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Duyên
(*đã ký)*